

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em.
2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp 10, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Hoàng V, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp 10, xã V T, huyện V T, tỉnh HG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Bà Lê Thị L và ông Bùi Hoàng V chung sống từ năm 1992 có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không giải quyết được, nên bà Lê Thị L nhận thấy không thể chung sống với ông Bùi

Hoàng V được nên yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hoàng V.

Con chung: có 02 con tên Bùi Công Danh, sinh năm 1994 và Bùi Anh Hào, sinh năm 2000 đã thành niên. Bà Lê Thị L không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Bà Lê Thị L khai không có.

Nợ chung: Bà Lê Thị L khai không có.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy CMND, sổ hộ khẩu (bản sao); Bản tự khai (bản chính); Giấy khai sinh của Bùi Công Danh, Bùi Anh Hào (bản sao); Đơn xác nhận (bản chính)..

Bị đơn ông Bùi Hoàng V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Hoàng V vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Lê Thị L có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hoàng V nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn ông Bùi Hoàng V tại ấp 10, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[1.2]. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Bùi Hoàng V được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, ông V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Bùi Hoàng V chung sống từ năm 1992, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn bút lục 07) nên hôn nhân của bà Lê Thị L và ông Bùi Hoàng V hợp pháp. Bà Lê Thị L có yêu cầu ly

hôn với ông Bùi Hoàng V, vì cho rằng hôn nhân của bà L ông V không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” nhưng theo thừa nhận của bà Lê Thị L vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Bùi Hoàng V theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông V vẫn không thể hiện ý kiến. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà L ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2]. Con chung: Bà Lê Thị L khai có 02 con tên Bùi Công Danh, sinh năm 1994 và Bùi Anh Hào, sinh năm 2000 đã thành niên. Ông Bùi Hoàng V chưa thể hiện ý kiến. Bà L cung cấp chứng cứ chứng minh Bùi Công Danh, và Bùi Anh Hào là con chung của bà L và ông V là giấy khai sinh (bút lục 04, 05). Do vậy, Hội đồng xét xử xác định Bùi Công Danh và Bùi Anh Hào là con chung của bà L và ông V. Tính đến nay, Bùi Công Danh và Bùi Anh Hào đã thành niên, bà Lê Thị L không yêu cầu, ông Bùi Hoàng V chưa thể hiện ý kiến, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[2.3]. Tài sản chung: Bà Lê Thị L khai không có, ông Bùi Hoàng V chưa thể hiện ý kiến, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[2.4]. Nợ chung: Bà Lê Thị L khai không có, ông Bùi Hoàng V chưa thể hiện ý kiến, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[2.5]. Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Bùi Hoàng V.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0008409 ngày 12/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phạm Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Em – Nguyễn Thị Tua

Phạm Thị Tuyết Mai